

**Name:** .....

### Grammar: .....

**Date:** .... /.... /20....

**Listening:** .....

### Class- S3

**Mini Test:** .....



## MEALTIME

## Vocabulary & Short Speech

❖ **Lưu ý:** Với các từ vựng mở rộng thầy cô có cho ghi trong vở (nếu có) và các từ vựng mở rộng trong phiếu đề có chú thích nghĩa: con về nhà chép mỗi từ **1 dòng** để ghi nhớ nhé

## A. VOCABULARY

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	<b>noodles</b> (n)	mì	7	<b>sour</b> (adj)	chua
2	<b>chips</b> (n)	khoai tây lát mỏng	8	<b>spicy</b> (adj)	cay
3	<b>pizza</b> (n)	bánh pizza	9	<b>salty</b> (adj)	mặn
4	<b>fried chicken</b> (n.phr)	gà chiên	10	<b>everyday</b> (adj)	hằng ngày
5	<b>sweet</b> (adj)	ngọt	11	<b>once (a week)</b>	một lần (mỗi tuần)
6	<b>bitter</b> (adj)	đắng	12	<b>twice (a month)</b>	hai lần (mỗi tháng)

❖ **Note:** n = noun; danh từ; adj = adjective; tính từ; n.phr = noun phrase; cum danh từ

## B. HOMEWORK

**Exercise 1: Circle the correct answer**

Q. There are \_\_\_\_\_ cups in the kitchen.

1. The dark chocolate is \_\_\_\_\_. I cannot eat it.

A. fried chicken      B. noodles      C. candy

3 I go to the gym every Saturday. I go there

A. once

B. twice

C. A & B

4. She goes to the park twice \_\_\_\_\_.

A. a month

B. month

C. a months

5. The pepper (*tiêu*) makes this so \_\_\_\_\_.

A. salty

B. spicy

C. sweet

### Exercise 2: Fill in the blank

0.  <u>sweet</u>	1.  <u>p_____a</u>
2.  <u>s_____y</u>	3.  <u>c_____s</u>
4.  <u>n_____s</u>	5.  <u>s_____r</u>

### Exercise 3: Arrange the sentences

0. My / is / name / James.

→ My name is James.

1. She / once / week / a / has / music / lesson / .

→ \_\_\_\_\_.

2. twice / I / yesterday / saw / him / .

→ \_\_\_\_\_.

3. I / chips / love / because / good / it's / .

→ \_\_\_\_\_.

4. The / spicy / noodles / are / .

→ \_\_\_\_\_.

5. oranges / These / sour / are / .

→ \_\_\_\_\_.

Con nghe bài nghe theo link sau:

<https://drive.google.com/file/d/14eUhkXdCHkTBwIw6vItHa4PMUyygLjB0/view?usp=sharing>

## Part 1

– 5 questions –

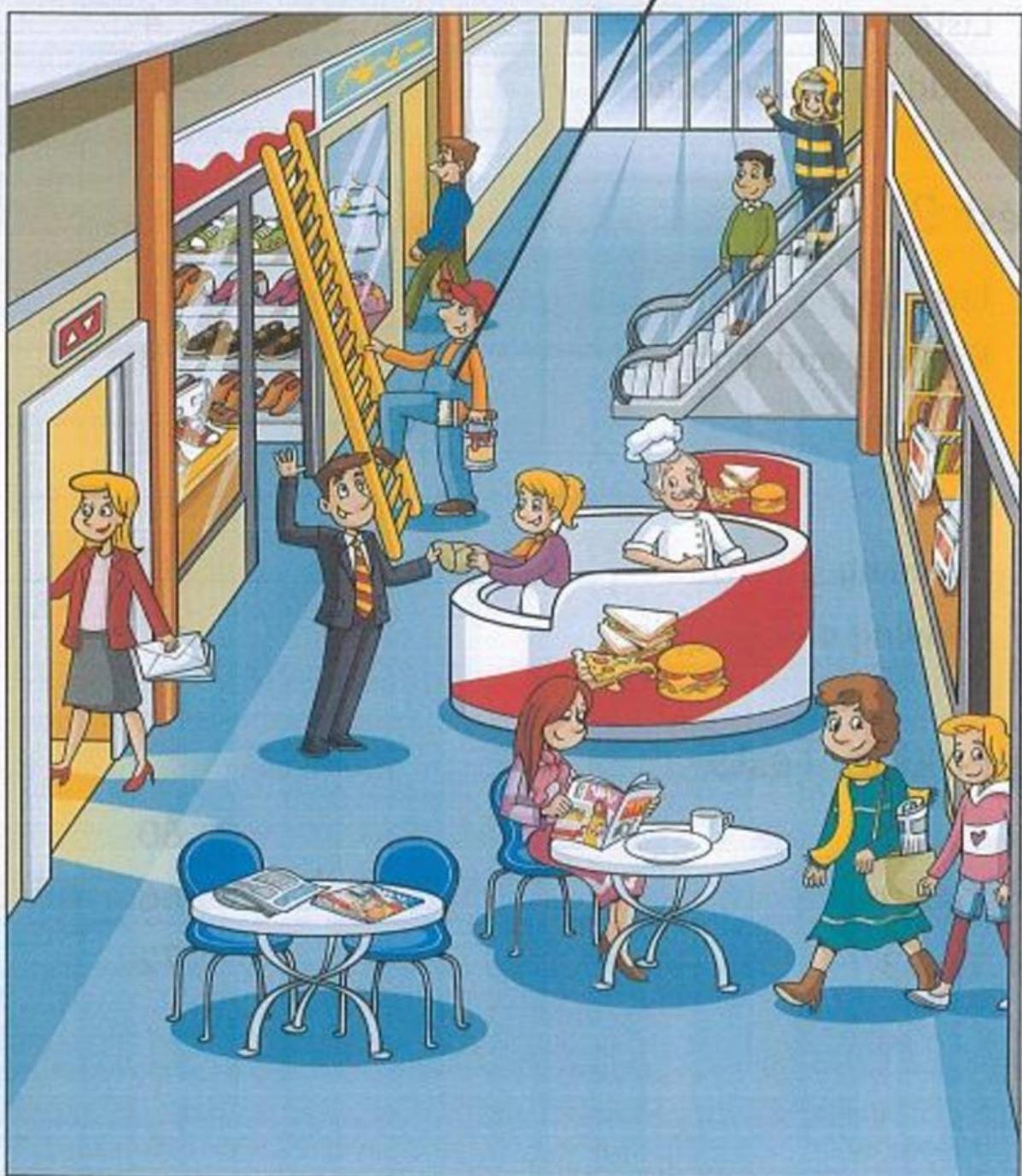
Listen and draw lines. There is one example.

Harry

Emma

Richard

Helen



William

Oliver

Sarah

## MINI TEST

## Exercise 1: Fill in the blank

I love all four <sup>0</sup>seasons. I like summer because it's <sup>1</sup>s\_\_\_\_\_y. I love <sup>2</sup>\_\_\_\_\_r because it's <sup>3</sup>sn\_\_\_\_\_. I like fall because there is wind *everywhere* (*mọi nơi*), it's very <sup>4</sup>w\_\_\_\_\_y. <sup>5</sup>S\_\_\_\_\_g is also great because the flowers in my garden are beautiful. I can't wait to fly kites in the spring.

## Exercise 2: Circle the correct answer

0. I read / reads books.
1. Hannah are playing / is playing with her friends now.
2. She isn't watching / doesn't watch TV right now.
3. Is / Are Suzie reading books now?
4. Am / Is he having dinner?
5. They are / aren't swimming. They are playing football in the yard.

Mọi ý kiến đóng góp của phụ huynh sẽ là động lực để StarLink nâng cao chất lượng đào tạo. Mời bố mẹ quét mã ở đây để thực hiện khảo sát a!

